

Bản án số: 07/2021/DS-PT

Ngày 17-3-2021

*V/v kiện đòi tiền chi trả bồi thường*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thông;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Xuân Chiến;  
Ông Lương Đức Dương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:**  
Ông Dương Phúc Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2020/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do công trình xây dựng gây ra*”,

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 28-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Ngô Văn Q; địa chỉ: Xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước – Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Khương Ngọc Q; địa chỉ: Công ty Luật TNHH-MTV V, V, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định – Có mặt.

**- Bị đơn:** Công ty cổ phần T; địa chỉ: Đường D, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Bùi Quang T – là Luật sư – Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ – Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2021 – Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Vũ Thị Đ; địa chỉ: Xã Đ,

huyện B, tỉnh Bình Phước – Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Đ:* Ông Ngô Văn Q (văn bản ủy quyền ngày 22/10/2019) – Có mặt.

*- Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Chung cư A2, phường P, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: đường I, phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Bà Phan Thị H; địa chỉ: Phường T, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

*- Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Ngô Văn Q.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Văn Q – là nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Đ trình bày:*

Theo quyết định số: 260/QĐ-UBND ngày 25/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, dự án: Nhà máy thủy điện T, hạng mục: Tài sản của hộ ông Ngô Văn Q, thì Công ty cổ phần T phải trả bồi thường cho hộ ông Q tổng số tiền 1.586.921.000 đồng (*Một tỷ năm trăm tám mươi sáu triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng*), trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thông báo hoặc niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân theo Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007.

Quá trình thực hiện, ông Q thừa nhận Công ty cổ phần T phải chi trả cho ông tổng số tiền 1.286.921.000 đồng, bao gồm cả tiền tạm ứng và tiền chi đền bù, cụ thể: Ngày 11/3/2019, số tiền 200.000.000 đồng chi tại Ngân hàng; ngày 21/5/2009, số tiền 50.000.000 đồng chi tại Công ty; ngày 13/5/2010, số tiền 200.000.000 đồng chi tại Ngân hàng; ngày 08/6/2010, số tiền 300.000.000 đồng chi tại Ngân hàng; ngày 17/11/2010, số tiền 219.536.000 đồng chi tại Ngân hàng; ngày 04/01/2011, số tiền 317.385.000 đồng chi tại Ngân hàng. Như vậy, Công ty còn chi thiếu cho ông Q số tiền là 300.000.000 đồng.

Qua đối chiếu các phiếu thu, chi tiền giữa ông Q và Công ty, ông Q cho rằng: Đối với phiếu thu tiền mặt 250.000.000 đồng và phiếu chi 550.000.000 đồng đều đề ngày 30/3/2010 có chữ ký của ông là lập không. Thực tế không có việc thu, chi số tiền nào cho ông theo phiếu thu, phiếu chi này. Thực tế vào ngày 08/6/2010, ông Nguyễn Văn H đề nghị ông ký để hợp thức hóa cho Công ty. Chữ ký trong 02 phiếu thu, phiếu chi này đúng là chữ ký của ông. Cụ thể: Đối với phiếu chi 550.000.000 đồng đề ngày 30/3/2010, nếu thật sự ông đã nhận đủ số tiền thì Công ty sẽ lập 02 liên, liên 1 giao cho thủ quỹ để chi tiền, liên 02 giao cho người nhận tiền, nhưng Công ty lại có cả liên 01 và liên 02. Nếu thực hiện cho đúng quy trình, thì khi Công ty chi cho ông Q 550.000.000 đồng, ông Q sẽ trả lại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (viết tắt: BIDV) số tiền 200.000.000 đồng mà ông đã tạm ứng ngày 11/3/2009 theo giấy lĩnh tiền 0091

của BIDV Đắk Nông, khi đó Ngân hàng sẽ cấp cho ông một phiếu thu hồi tiền; ông phải trả cho Công ty 50.000.000 đồng mà ông đã ứng ngày 21/5/2009 tại Công ty và Công ty sẽ đưa cho ông phiếu thu, nhưng Công ty đã không thực hiện đúng trình tự, thủ tục như vậy.

Ông Q xác định Công ty đã lập không biên bản giao trả tiền đền bù đề ngày 30/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã R, thị xã G, đến năm 2011 ông Võ Văn D mới đưa cho ông ký để hợp thức hóa cho Công ty. Khi ký ông nghĩ mình đã nhận đủ số tiền, nên nhìn thấy trong biên bản có ghi việc chi trả số tiền 1.586.921.000 đồng nên ông đã ký, ông không nhớ phiếu thu tiền mặt 250.000.000 đồng, phiếu chi 550.000.000 đồng đã lập không đề ngày 30/3/2010, mà ngày 08/6/2010 ông Nguyễn Văn H đề nghị ông ký để hợp thức hóa cho Công ty. Ông thừa nhận chữ ký trong biên bản giao trả tiền đền bù đề ngày 30/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã R đúng là chữ ký của ông.

Nay nguyện vọng của ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần T phải chi trả cho ông 300.000.000 đồng còn thiếu và tiền lãi trả chậm theo quy định của pháp luật.

*Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Công ty thừa nhận đối với tài sản của hộ ông Q được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 25-02-2010 với mức kinh phí bồi thường là 1.586.921.000 đồng, trong đó trạm thủy điện nhỏ là 1.456.768.000 đồng; cầu giao thông là 130.153.000 đồng. Cho đến thời điểm hiện tại hộ ông Q đã nhận hết số tiền bồi thường trên, cụ thể:

*Lần 01:* Ngày 10/3/2009, ông Q gửi đơn xin ứng tiền đền bù đến Công ty, đề nghị cho tạm ứng trước 400.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình. Lúc này chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân tỉnh, nên Công ty (cụ thể là ông Nguyễn Công K–Tổng giám đốc Công ty) duyệt cho hộ gia đình tạm ứng 200.000.000 đồng, ngày 11/3/2009 Công ty lập phiếu chi tiền mặt chi tạm ứng cho ông số tiền 200.000.000 đồng, nhận tiền tại BIDV.

*Lần 02:* Ngày 14/5/2009, trong thời gian chờ thẩm định phương án bồi thường, hộ gia đình ông lại tiếp tục làm đơn xin tạm ứng 200.000.000 đồng, lúc này do phương án chưa được phê duyệt nên ngày 21/5/2009 Ban lãnh đạo Công ty cổ phần T đã tạm ứng trước cho hộ gia đình ông 50.000.000 đồng, phiếu tạm ứng này ông Q nhận tiền mặt tại Công ty. Như vậy, cả 02 lần ông Q tạm ứng của Công ty 250.000.000 đồng.

Đối với việc chi trả tiền sau khi có Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 25-02-2010: Tại thời điểm đó, do nguồn vốn thực hiện xây dựng dự án và công tác đền bù đều vay từ Ngân hàng phát triển Việt Nam, trong thời gian chờ nguồn tiền từ ngân hàng chuyển về, Công ty đã phải chi trả cho ông Q nhiều đợt, cụ thể các phiếu như sau:

- Ngày 30/3/2010, chi 550.000.000 và thu lại số tiền tạm ứng 250.000.000 đồng; Ngày 30/3/2010, Công ty đã lập phiếu chi tiền mặt là 550.000.000 đồng,

phiếu thu tiền mặt là 250.000.000 đồng để chi trực tiếp tiền mặt tại Công ty cho ông Q và bà Phan Thị H thủ quỹ công ty là người trực tiếp chi tiền mặt cho ông Q. Lý do: Trước đây ông Q có làm đơn xin tạm ứng 02 lần và Công ty có làm phiếu chi tạm ứng số tiền 250.000.000 đồng (*đã trình bày ở trên*) nên số tiền tại phiếu chi 550.000.000 đồng sẽ trừ lại số tiền tạm ứng trên mà ông Q đã nhận và thực tế ông Q nhận 300.000.000 đồng tiền mặt tại Công ty.

- Ngày 13/5/2010, phiếu chi tiền 200.000.000 đồng.
- Ngày 08/6/2010, phiếu chi tiền 300.000.000 đồng.
- Ngày 17/11/2010, phiếu chi tiền 219.536.000 đồng.
- Ngày 04/01/2011, phiếu chi tiền 317.385.000 đồng.

Như vậy: Tổng số tiền Công ty chi theo phiếu chi cho ông Ngô Văn Q là 1.836.921.000 đồng, thu lại từ chi tạm ứng 250.000.000 đồng. Tổng số tiền còn lại ông Q thực nhận là 1.836.921.000 đồng – 250.000.000 đồng = 1.586.921.000 đồng.

Đối với phiếu chi số tiền 200.000.000 đồng tại Ngân hàng vào ngày 13/5/2010 là sau khi đã có Quyết định số 260/QĐ–UBND ngày 25-02-2010. Do đó, nội dung ghi trong phiếu chi phải là chi tiền đền bù, do sai sót trong khâu đánh máy, nên nhân viên đã ghi nhầm là “tạm ứng bồi thường”, tuy nhiên trên thực tế, BIDV đã chi và ông Q đã nhận đủ 200.000.000 đồng.

Công ty không đồng ý với ý kiến của ông Q là buộc Công ty trả cho ông Q số tiền bồi thường còn thiếu là 300.000.000 đồng và tiền lãi trả chậm theo quy định của pháp luật, vì Công ty đã thanh toán hết số tiền ông Q được phê duyệt bồi thường.

*Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Văn H trình bày: Ngày 30/3/2010, ông Q đến Công ty để nhận tiền, được sự chỉ đạo của ông Trần Hữu T - Tổng Giám đốc Công ty giải quyết chi trả đợt 1 cho ông Q 550.000.000 đồng và thu hồi tiền tạm ứng 250.000.000 đồng do Công ty đã linh hoạt giải quyết cho ông Q tạm ứng 02 đợt trước khi có Quyết định số 260/QĐ–UBND ngày 25-02-2010. Theo sự phân công của phòng, ông H đã đánh máy lập phiếu chi tiền mặt số PC167/2010 ngày 30/3/2010 với số tiền 550.000.000 đồng bao gồm 02 liên, liên 1 lưu tại phòng kế toán công ty, liên 2 giao cho ông Q, đồng thời lập phiếu thu tiền mặt số PT19/2010 ngày 30/3/2010 với số tiền 250.000.000 đồng bao gồm 02 liên, liên 1 lưu tại phòng kế toán công ty, liên 2 giao cho ông Q. Sau khi in phiếu chi và phiếu thu ông H đưa sang cho ông Trần Hữu T - Tổng Giám đốc Công ty ký và giao lại cho bà Phan Thị H - Thủ quỹ Công ty (tại thời điểm ông Q đến Công ty nhận tiền không có mặt ông Nguyễn Văn T - Kế toán trưởng). Việc nhận tiền bồi thường và nộp lại tiền tạm ứng theo phiếu chi và phiếu thu nêu trên diễn ra giữa bà H và ông Q.

Bà Phan Thị H trình bày: Thời điểm ông Q đến Công ty nhận tiền đền bù, bà H đang là thủ quỹ của Công ty. Ngày 30/3/2010, ông Q mang theo Chứng minh nhân dân đến Công ty để nhận tiền bồi thường theo Quyết định số

260/QĐ-UBND ngày 25-02-2010. Ông T - Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo phòng kế toán lập phiếu chi tiền mặt cho ông Q với số tiền là 550.000.000 đồng và đồng thời lập phiếu thu tiền mặt số tiền 250.000.000 đồng. Ông H là người chịu trách nhiệm lập phiếu thu chi và trình ký Kế toán trưởng và Tổng Giám đốc. Do ngày 30/3/2010 ông Nguyễn Văn T - Kế toán trưởng không có mặt ở Công ty nên thiếu chữ ký của ông T. Tổng Giám đốc chỉ đạo cho bà H chi tiền cho ông Q theo phiếu chi tiền mặt số PC167/2010 ngày 30/3/2010 và phiếu thu tiền mặt số PT19/2010 ngày 30/3/2010 thiếu chữ ký của Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc có nói chữ ký Kế toán trưởng bổ sung. Do đó, bà H đã đưa phiếu chi số PC167/2010 và phiếu thu số PT19/2010 cho ông Q ký, ghi rõ họ tên vào phiếu thu, phiếu chi và bà H đã trực tiếp giao tiền mặt cho ông Q nhận 300.000.000 đồng. Trước lúc ông Q nhận tiền từ bà H thì bà H có giải thích như sau *“Lần 1 Chủ nhận tạm ứng số tiền 200.000.000 đồng tại Ngân hàng Đầu tư BIDV ngày 11/3/2009 và lần 2 Chủ nhận tạm ứng tiền mặt tại Công ty số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần chủ nhận tạm ứng là 250.000.000 đồng. Vì vậy phòng kế toán lập phiếu chi số PC167/2010 số tiền 550.000.000 đồng và phiếu thu số PT19/2010 số tiền 250.000.000 đồng, lần này chủ còn nhận là 300.000.000 đồng”*. Bà H đã cắt liên 2 giao cho ông Q, vì vậy ông Q giữ liên 2 phiếu chi tiền mặt số PC167/2010 ngày 30/3/2010 và liên 2 phiếu thu tiền mặt số PT19/2010 ngày 30/3/2010 không có chữ ký của Kế toán trưởng. Sau đó, ông T - Kế toán trưởng có mặt tại Công ty, bà H đã trình phiếu chi tiền mặt số PC167/2010 và phiếu thu tiền mặt số PT19/2010 cho ông T ký để lưu hồ sơ.

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, dù được triệu tập hợp lệ nhưng ông T đều vắng mặt nên không có lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 28-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn Q về việc yêu cầu Công ty Cổ phần thủy điện Đắk R’Tih phải thanh toán cho ông Ngô Văn Q số tiền đền bù còn thiếu theo Quyết định 260/QĐ-UBND ngày 25/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư – Công trình thủy điện Đắk R’Tih, là 300.000.000 đồng còn thiếu và tiền lãi suất trả chậm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08-10-2020, ông Q kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu tuyên hủy biên bản về việc giao trả tiền đền bù ngày 30-3-2020; hủy phiếu chi, phiếu thu tiền mặt ngày 30-3-2020 do lập không, buộc Công ty cổ phần T phải trả cho ông Q số tiền 300.000.000 đồng và lãi chậm trả theo quy định.

Ngày 28-01-2021 và ngày 02-02-2021, ông Q có đơn kháng cáo bổ sung, đề nghị Tòa án phúc thẩm triệu thêm người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến phiên tòa gồm: Ông Trần Hữu T, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị H, ông Tạ Văn T, ông Trần Văn A, ông Trần Đăng T, ông Nguyễn Trọng T.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày những nội dung như ý kiến của bị đơn đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Công ty cổ phần T lập phiếu chi tiền 550.000.000 đồng tiền mặt và phiếu thu tiền mặt 250.000.000 đồng cùng ngày 30/3/2010 là không đúng với Luật kế toán số 03/2013/QH11. Phiếu chi phải có họ tên người lập, người chi tiền, phải có chữ ký của kế toán trưởng và chữ ký của giám đốc đóng dấu ghi rõ họ tên. Hai phiếu chi và thu nêu trên lập không đúng với mẫu phiếu ban hành kèm theo Quyết định số 15 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã có văn bản yêu cầu Công ty cung cấp sổ kế toán, sổ quỹ để làm căn cứ chứng minh ông Q có ký vào sổ quỹ để nhận tiền hay không. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã trả lời Công ty không lập sổ quỹ, sổ kế toán mà lập trên máy tính là sai nguyên tắc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy phiếu chi tiền và phiếu thu tiền lập ngày 30/3/2010, buộc Công ty thủy điện Đắk R’Tihi phải trả lại cho ông Ngô Văn Q 300.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là *“Tranh chấp bồi thường thiệt hại do công trình xây dựng gây ra”* là không đúng, bởi lẽ đơn khởi kiện ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty thủy điện Đắk R’Tihi phải bồi thường số tiền còn thiếu là 300.000.000 đồng và tính lãi suất chậm trả theo quy định. Như vậy, cần xác định quan hệ pháp luật là *“Kiện đòi tiền bồi thường”* là phù hợp.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Phan Thị H là người làm chứng trong vụ án là không đúng, vì những người này trực tiếp ký vào phiếu chi và phiếu thu tiền, nên họ có liên quan đến việc chi và thu tiền của ông Q. Vì vậy, cần phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/12/2020 ông Q có đơn xin miễn án phí vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bản thân là người cao tuổi, tình nguyện tham gia quân đội, được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì. Do đó, ông có đủ điều kiện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do cấp sơ thẩm có những vi phạm nêu trên, cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án sơ thẩm số:

15/2020/DS-ST ngày 28-9-2020 của Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn Q, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm có những vi phạm và thiếu sót cụ thể như sau:

[1]. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do công trình xây dựng gây ra*” là chưa chính xác, bởi lẽ đơn khởi kiện ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần T phải bồi thường số tiền còn thiếu là 300.000.000 đồng và tính lãi suất chậm trả theo quy định. Như vậy, cần xác định quan hệ pháp luật “*Kiện đòi tiền bồi thường*” là phù hợp.

[2]. Cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Phan Thị H là người làm chứng trong vụ án là không đúng, vì những người này trực tiếp ký vào phiếu chi và phiếu thu tiền, nên họ có liên quan trực tiếp đến việc chi và thu tiền của ông Q. Vì vậy, cần phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đối với ông Trần Hữu T - nguyên Tổng giám đốc Công ty cổ phần T, là người ký duyệt vào phiếu chi và phiếu thu lập ngày 30/3/2010, nhưng cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Lời khai của ông Nguyễn Văn H, bà Phan Thị H xác định ông H là người lập phiếu chi tiền mặt và phiếu thu tiền mặt ngày 30/3/2010 gồm 02 liên. Liên 1 giao cho kế toán Công ty, liên 2 giao cho khách hàng. Tại thời điểm ông Q đến nhận tiền không có mặt ông Nguyễn Văn T (BL 254, 255). Tuy nhiên, Biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2018, tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông ông T khai: “... Ngày 30/3/2010, ông Q đến nhận tiền tại Công ty, ông Trần Hữu T giám đốc phê duyệt cho ông Q nhận tiền mặt tại Công ty với số tiền 550.000.000 đồng, đồng thời truy thu lại số tiền 250.000.000 đồng do ông Q đã tạm ứng vào thời điểm năm 2009. Do đó tôi (T) chỉ đạo cho anh H lập phiếu chi tiền mặt với số tiền 550.000.000 đồng và phiếu thu tiền mặt với số tiền 250.000.000 đồng. Mỗi phiếu lập 02 liên đưa cho ông Q ký nhận với số tiền thực lĩnh là 300.000.000 đồng ...” (BL 249, 250, 251). Như vậy, lời khai của ông H, bà H và ông T có sự mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm không đối chất làm rõ. Đồng thời chưa làm rõ vì sao ông H lập 02 liên, liên 1 giao cho kế toán Công ty, liên 2 giao cho khách hàng, nhưng trên thực tế Công ty đều giữ 02 liên.

Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/12/2020 ông Q có đơn xin miễn án phí vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bản thân là người cao tuổi, tình nguyện tham gia quân đội, được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì. Do đó, ông có đủ điều kiện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4]. Do cấp sơ thẩm có những vi phạm và thiếu sót nêu trên, tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của

ông Ngô Văn Q và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên, hủy Bản án sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 28-9-2020 của Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5]. Quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là chưa phù hợp, nên không được chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên ông Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Q 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Văn Q. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 28-9-2020 của Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

**2.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Ngô Văn Q 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo biên lai số 002380 ngày 22/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố G;
- Đường sự;
- Lưu: THCTP, TDS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Phạm Thị Thông**